

Số: 466/2018/QĐ – PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ
HỦY MỘT PHẦN BẢN ÁN SƠ THẨM
VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI YÊU CẦU ĐỘC LẬP
CỦA NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Nguyễn Bá Thịnh**
2/ Bà **Huỳnh Tuyết Mai**

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Ông **Huỳnh Duy Dũng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2018/TLPT - DS ngày 15/3/2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1562/2018/QĐ – PT, ngày 09/4/2018 và Quyết định giám đốc thẩm số 76/2017/DS-GĐT ngày 22/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Tấn A**, sinh năm 1973; (xin vắng)
Địa chỉ: 205 X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ khác: 47A X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1974; (vắng mặt)
Địa chỉ: 24 Tổ S, Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B có ông **Trương Văn C**, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: 49 Đường số X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 003151 ngày 29/3/2018 tại Văn phòng công chứng J)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 **Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D.**

Địa chỉ: 617 – 621 X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Hồng E**, sinh năm 1955 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức F**, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: 617 – 621 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 92/2018/UQ-ĐP ngày 23/4/2018)

3.2 Ông **Đỗ Đức G**, sinh năm 1966; (xin vắng)

Địa chỉ: 137/5 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Ông **Trần Công H**, sinh năm 1952; (xin vắng)

Địa chỉ: C7/15, Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà **Huỳnh Thị Bích N**, sinh năm 1967; (xin vắng)

Địa chỉ: S10 đường X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5 Bà **Ngô Thị Trúc L**, sinh năm 1972; (xin vắng)

3.6 Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1971; (xin vắng)

Cùng địa chỉ: 78 Đường số X, Khu dân cư A, Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7 Bà **Võ Thị Ngọc I**, sinh năm 1983; (xin vắng)

Địa chỉ: 205 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8 Bà **Nguyễn Thị Thu K**, sinh năm 1979;

3.9 Ông **Trần Văn Q**, chết năm 2018;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bấy có ông **Trần Văn B**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 24 Tổ V, Ấp X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10 Ông **Trần Minh R**, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Số 24, Tổ X, Ấp V, xã Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, ông Q, ông R, ông B có ông **Trương Văn C**, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: 49 Đường số X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 003889 ngày 21/5/2015 tại Văn phòng công chứng O).

3.11 Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Địa chỉ: 349 đường X, thị trấn Y, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số 23/2015/DS-ST ngày 09/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo như sau:

Ngày 16 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo một phần nội dung Quyết định của bản án Dân sự sơ thẩm 23/2015/DS-ST ngày 09/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh về phần không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty D.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo. Viện kiểm sát không có kháng nghị.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 31/12/2015 người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo và xin rút yêu cầu độc lập với lý do Ủy ban nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 11083/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 về việc Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 530/QSĐĐ/trang 165/Q1 ngày 27/11/1998 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ bà Lương Thị P tại xã Y. Do đó, yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của Công ty D đã được giải quyết.

Ngày 31/12/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1669/2015/QĐ-PT đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngày 20/9/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định Kháng nghị Giám đốc Thẩm số 300/2017/KN-DS kháng nghị đối với Quyết định số 1669/2015/QĐ-PT ngày 31/12/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/12/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc Thẩm số 76/2017/DS-GĐT, quyết định:

- Chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 300/2017/KN-DS ngày 20/9/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định dân sự phúc thẩm số 1669/2015/QĐ-PT ngày 31/12/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Trần Tấn A với bị đơn là ông Trần Văn B.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, với nhận định:

Theo hồ sơ vụ án thì không có tài liệu nào thể hiện nguyên đơn ông Trần Tấn A và bị đơn ông Trần Văn B có ý kiến đồng ý với việc rút yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn chấp nhận việc rút yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D để hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng với quy định tại Điều 59, Điều 61 và khoản 2 Điều 269 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 269 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011: Việc hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của hội đồng xét xử phúc thẩm nhưng Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D và giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm là vi phạm thủ tục Tố tụng dân sự.

Ngày 15/3/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án dân sự số 134/2018/TLPT-DS, về việc: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Trầm Tấn A và bị đơn ông Trần Văn B để giải quyết lại vụ án theo trình tự phúc thẩm, xem xét đơn kháng cáo ngày 16/3/2015 của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D trình bày ý kiến và có đơn đề ngày 11/5/2017 xin rút yêu cầu kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 23/2015/DSST ngày 09/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh và rút toàn bộ yêu cầu độc lập ban đầu đã yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trầm Tấn A có văn bản đề ngày 03/5/2018 đồng ý việc rút yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D.

Bị đơn ông Trần Văn B có người đại diện theo uỷ quyền là ông Trương Văn C đồng ý với việc rút đơn yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D rút yêu cầu kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm và rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý với việc rút yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Công ty D. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xét lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét, nguyên đơn ông Trầm Tấn A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đức G, ông Trần Công H, bà Huỳnh Thị Bích N, bà Ngô Thị Trúc L, ông Nguyễn Văn M, bà Võ Thị Ngọc I có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và Khoản 3

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ngày 11 tháng 5 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D có người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Đức F trình bày ý kiến và có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo và rút đơn yêu cầu độc lập.

[2.2] Ngày 03/5/2018, nguyên đơn ông Trầm Tấn A có văn bản đồng ý việc rút đơn yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn B có người đại diện theo uỷ quyền là ông Trương Văn C đồng ý việc rút đơn yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D.

[2.4] Xét, việc rút yêu cầu kháng cáo và rút đơn yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Nguyên đơn, bị đơn đồng ý với việc rút đơn yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án dân sự thụ lý số 134/2018/TLPT-DS ngày 15/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên như án sơ thẩm.

[2.5] Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Công ty D.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 289, Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 134/2018/TLPT - DS ngày 15 tháng 3 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 23/2015/DS-ST ngày 09/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh phần nội dung: “2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh

doanh nhà D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 13109/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện S”.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 13109/QĐ-UBND ngày 02/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm số 23/2015/DS-ST ngày 09/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hồ Chí Minh đối với phần:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trầm Tấn A về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn B tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 16/7/2010 giữa ông A với ông B và tiến hành hoàn thành các thủ tục sang tên cho ông A diện tích 9.793m² đất thuộc thửa số 58, 59 tờ bản đồ số 15, xã Y, huyện Z (Giấy CNQSD đất số 530/QSDĐ/trang 265Q1 do UBND huyện S cấp ngày 27/11/1998). Giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), ông A đã đặt cọc trước cho ông B 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), ông A sẽ tiếp tục thanh toán cho ông B số tiền còn lại là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) khi ông B thực hiện tiếp hợp đồng.

- Hủy bỏ Giấy mua bán đất và tài sản gắn liền với đất (giấy tay) ngày 16/7/2010, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn B và ông Trần Minh R ký bán cho ông Trầm Tấn A phần đất số thửa 58, 59 tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã Y, huyện S, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 9.793m².

- Buộc ông Trần Văn Q, ông Trần Văn B và ông Trần Minh R có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trầm Tấn A số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và tiền bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá là 270.586.250 đồng (hai trăm bảy mươi triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng), tổng cộng là 2.270.586.250 đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng). Trả một lần khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc ông Trầm Tấn A trả lại cho ông Trần Văn Q, ông Trần Văn B và ông Trần Minh R bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 530 QSDĐ/trang 265Q1 ngày 27/11/1998 của Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ Lương Thị P. Trả khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá:

Ông Trầm Tấn A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Ông A đã tạm nộp 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 01047 ngày 10/9/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Hoàn lại chi ông A số tiền chênh lệch 58.800.000 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Ông Trần Văn Q, ông Trần Văn B và ông Trần Minh R phải liên đới chịu 77.411.725 đồng (bảy mươi bảy triệu bốn trăm mười một ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiền bồi thường thiệt hại phải trả cho ông Trầm Tấn A.

Ông Trầm Tấn A phải chịu 1/2 chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá là 29.737.135 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn một trăm ba mươi lăm đồng). Ông Trần Văn Q, ông Trần Văn B và ông Trần Minh R phải liên đới chịu 1/2 chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá là 29.737.135 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

Ông Trầm Tấn A đã tạm nộp chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá là 59.474.270 đồng (năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi đồng). Ông Trần Văn Q, ông Trần Văn B và ông Trần Minh R có trách nhiệm liên đới trả cho Ông Trầm Tấn A chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá là 29.737.135 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn một trăm ba mươi lăm đồng). Trả một lần khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án thì đương sự có nghĩa vụ thanh toán chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về Án phí Dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2011/08605 ngày 17/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh nhà D được hoàn lại 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tuyết Mai

Nguyễn Bá Thịnh

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng